ĐỒNG CHÍ TRẦN QUÝ KIÊN VỚI PHONG TRÀO CÁCH MẠNG HẢI PHÒNG (1931-1947)

NGUYỄN VĂN BIỂU
Viện Sử học

Nhận bài ngày 10/10/2026. Sửa chữa xong 03/11/2026. Duyệt đăng 10/11/2026.

Abstract

Trần Quý Kiên, whose birth name was Đinh Xuân Nhạ, made significant contributions to restoring Party organizations, building revolutionary forces, and advancing the revolutionary movement in Hai Phong. Drawing on autobiographical records, memoirs, and historical studies, this article examines key milestones in his revolutionary career: participating in the 1931 struggle at Hai Phong Prison; rebuilding Party organizations and mobilizing the public during 1937–1938; and undertaking leadership responsibilities in Quang Yen and the associated Thuy Nguyen area from late 1946 to the first half of 1947. Marking the 80th anniversary of the National Resistance War (1946–2026) and of Trần Quý Kiên's assignment to strengthen the leadership of the anti-French resistance in northeastern Vietnam, the article analyses his contributions and methods of organization and public mobilization. It thereby highlights the role of revolutionary leaders in building and safeguarding revolutionary forces, as well as the continuing educational value of this historical legacy for younger generations.

Keywords: *Đinh Xuân Nhạ, Hai Phong, Party building, Trần Quý Kiên.*

1. Đặt vấn đề

Hải Phòng là một trung tâm công nghiệp, cảng biển quan trọng, nơi phong trào công nhân và phong trào yêu nước sớm phát triển ở Bắc Kỳ. Trong quá trình đấu tranh cách mạng, tổ chức Đảng và nhân dân Hải Phòng vừa phải chống lại sự đàn áp của thực dân Pháp, vừa từng bước khôi phục cơ sở, xây dựng lực lượng và mở rộng phong trào quần chúng. Những kết quả đó gắn liền với hoạt động của nhiều thế hệ cán bộ, đảng viên, trong đó có đồng chí Trần Quý Kiên.

Đồng chí Trần Quý Kiên (1911-1965), tên thật là Đinh Xuân Nhạ, còn có bí danh Dương Văn Ty, thuộc lớp đảng viên đầu tiên của Đảng. Trong cuộc đời hoạt động cách mạng, đồng chí nhiều lần gắn bó với Hải Phòng trong những hoàn cảnh và nhiệm vụ khác nhau. Năm 1931, đồng chí tham gia cuộc đấu tranh chống chế độ giam cầm tại nhà lao Hải Phòng. Đầu năm 1937, được phân công về thành phố cảng, đồng chí cùng các cán bộ địa phương tham gia khôi phục tổ chức Đảng, củng cố cơ sở và vận động quần chúng. Cuối năm 1946 và nửa đầu năm 1947, trên cương vị lãnh đạo tại Quảng Yên, đồng chí trực tiếp giải quyết những vấn đề liên quan đến an ninh, cán bộ và bảo vệ phong trào, trong đó có địa bàn Thủy Nguyên.

Những hoạt động trên cho thấy sự gắn bó của đồng chí với phong trào cách mạng Hải Phòng qua các thời kỳ đấu tranh trong nhà tù, vận động dân chủ và buổi đầu kháng chiến chống thực dân Pháp. Bên cạnh tư liệu hồi ký và các công trình lịch sử đã công bố, bản Tổng kết tư tưởng của đồng chí bổ sung căn cứ để làm rõ thời gian, cương vị và hoạt động lãnh đạo tại Quảng Yên, cũng như mối liên hệ với Thủy Nguyên trong những năm 1946-1947.

Nhân kỷ niệm 80 năm Toàn quốc kháng chiến (1946-2026), 80 năm ngày đồng chí Trần Quý Kiên được tăng cường lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp ở vùng Đông Bắc của Tổ quốc, bài viết hệ thống hóa những dấu mốc hoạt động của đồng chí Trần Quý Kiên gắn với Hải Phòng trong giai đoạn 1931-1947; phân tích đóng góp trong xây dựng tổ chức Đảng, tập hợp quần chúng và bảo vệ lực lượng cách mạng.

Email: nguyenbieuvsh@gmail.com

Qua đó, bài viết góp phần bổ sung lịch sử phong trào cách mạng địa phương, làm rõ phương pháp công tác của đồng chí và ý nghĩa giáo dục truyền thống cách mạng đối với thế hệ hôm nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cuộc đấu tranh tại nhà lao Hải Phòng năm 1931 và sự rèn luyện bản lĩnh người cộng sản

Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập đầu năm 1930, thực dân Pháp tăng cường đàn áp các tổ chức cách mạng. Nhiều cán bộ bị bắt, các cơ sở bị đánh phá, việc duy trì liên lạc và tổ chức đấu tranh gặp nhiều khó khăn. Tháng 10-1930, khi đang tham gia tuyên truyền cách mạng tại Hà Nội, đồng chí Đinh Xuân Nhạ bị bắt, sau đó bị kết án tù khổ sai cầm cố 10 năm. Cuối năm 1931, đồng chí cùng một đoàn tù chính trị được chuyển từ Hỏa Lò xuống Hải Phòng, dự kiến chờ tàu đày ra Côn Đảo (Trần Bảo, 1970, tr. 203).

Lần có mặt này ở Hải Phòng diễn ra trong hoàn cảnh bị giam cầm, khác với nhiệm vụ công tác được giao những năm sau. Tuy nhiên, đây là dấu mốc sớm cho thấy tinh thần đấu tranh và sự gắn bó của đồng chí với những người cộng sản cùng chịu tù đày. Nhà lao Hải Phòng khi ấy vừa là nơi tập trung tù nhân chờ chuyển đi, vừa là không gian đối đầu giữa chế độ cai trị thực dân và ý chí bảo vệ nhân phẩm, quyền sống của tù chính trị.

Theo các nguồn tư liệu cho biết sau một cuộc vượt ngục, nhà cầm quyền áp dụng biện pháp cùm chân tập thể. Tù nhân tổ chức phản đối, song giữa các nhóm có sự khác nhau về lựa chọn phương thức đấu tranh. Một số đồng chí chủ trương tuyệt thực, tránh hành động thiếu chuẩn bị; trong khi một bộ phận tù nhân khác đề nghị chống trả bằng vũ lực. Cuộc đấu tranh ngày 21-12-1931 sau đó bị đàn áp, gây thương vong nghiêm trọng (Đặng Văn Thái, 2007, tr. 50).

Trong diễn biến ấy, đồng chí Trần Quý Kiên cùng một số người tù khỏe mạnh đứng ở cửa phòng giam chống sự xông vào của cai ngục, bảo vệ những người phía sau. Chi tiết được ghi trong các nguồn hồi ức và tiểu sử cho thấy sự dấn thân trực tiếp của đồng chí trong tình thế nguy hiểm. Sự tham gia đó trước hết là hành động bảo vệ đồng đội, phản đối biện pháp trừng phạt tập thể và chống việc tước bỏ những quyền lợi tối thiểu của người bị giam giữ.

Giá trị của sự kiện cần được nhìn nhận trên cả phương diện tinh thần và kinh nghiệm tổ chức. Tinh thần kiên cường giúp tù chính trị chống lại ý đồ khuất phục của chế độ nhà tù. Nhưng tổn thất của cuộc đấu tranh cũng đặt ra vấn đề lựa chọn hình thức, đánh giá tương quan lực lượng, thống nhất hành động và bảo toàn cán bộ.

Như vậy, quá trình rèn luyện trong nhà tù không chỉ được hiểu là sự chịu đựng gian khổ. Đó còn là quá trình người cán bộ học cách gắn ý chí với tổ chức, lòng dũng cảm với sự cân nhắc điều kiện thực tế. Trong môi trường bị kiểm soát nghiêm ngặt, mỗi quyết định đều liên quan đến sinh mạng, khả năng đoàn kết và sức đấu tranh chung. Những bài học ấy có ý nghĩa đối với việc hình thành phương pháp công tác thận trọng, coi trọng giữ gìn lực lượng ở giai đoạn hoạt động sau này.

2.2. Tham gia khôi phục hệ thống tổ chức và tái lập Thành ủy Hải Phòng năm 1937

Đến năm 1936, tình hình tạo ra những điều kiện thuận lợi hơn cho hoạt động đấu tranh dân chủ. Một bộ phận tù chính trị được trả tự do trở về, tìm cách nối lại liên lạc với tổ chức và cơ sở quần chúng. Tuy nhiên, khả năng phát triển phong trào phụ thuộc vào việc tập hợp đội ngũ cán bộ, khôi phục các đầu mối lãnh đạo và tổ chức lại hoạt động sau những đợt đàn áp kéo dài. Yêu cầu cấp thiết lúc này là tạo được sự liên thông giữa chỉ đạo của cấp trên với hoạt động tại các địa phương.

Trong bối cảnh ấy, đồng chí Đinh Xuân Nhạ (Trần Quý Kiên) cùng các đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Nguyễn Văn Minh tham gia hình thành Ủy ban sáng kiến. Ủy ban sáng kiến đảm nhiệm công việc lãnh đạo lâm thời, tìm và tập hợp cán bộ mới ra tù, nối lại các cơ sở, chuẩn bị khôi phục hệ thống tổ chức Đảng ở Bắc Kỳ (Lê Thanh Nghị, 1989, tr. 102). Hoạt động đó cho thấy việc phục hồi phong trào bắt đầu từ những công việc cụ thể, kiên trì và đòi hỏi sự tin cậy giữa các đầu mối.

Tháng 3-1937, Trung ương Đảng và Xứ ủy Bắc Kỳ Chỉ thị cho Hải Phòng phải nhanh chóng thành lập cơ quan lãnh đạo của Đảng bộ và tăng cường cho đồng chí Đinh Xuân Nhạ (Trần Quý Kiên) (Ban Chấp hành Đảng bộ Hải Phòng, 1991, tr. 137). Đồng chí Trần Quý Kiên được phân công về Hải Phòng, tham gia công tác khôi phục tổ chức và phát triển cơ sở Đảng, cơ sở cách mạng. Tháng 4-1937, theo Lịch sử Đảng bộ Hải Phòng, cuộc họp tái lập Thành ủy diễn ra tại một gia đình cơ sở ở Ngõ Đá, phố Cát Dài. Những người tham dự có Đinh Xuân

Nhạ, Nguyễn Văn Túc, Nguyễn Văn Cúc và một số cán bộ khác; Nguyễn Văn Túc, tức Nguyễn Công Hòa, được cử làm Bí thư (Ban Chấp hành Đảng bộ Hải Phòng, 1991, tr. 137). Sự kiện đánh dấu bước củng cố cơ quan lãnh đạo địa phương, tạo điều kiện đưa những hoạt động khôi phục riêng lẻ vào sự chỉ đạo thống nhất.

Hồi ký của Nguyễn Công Hòa nhớ lại cuộc họp thành lập Thành ủy lâm thời tại hiệu cắt tóc của đồng chí Dư ở ngõ Đào Ký. Dù khác về thời gian và địa điểm, hồi ký cung cấp thông tin đáng chú ý về phân công công tác: Nguyễn Công Hòa phụ trách phong trào xí nghiệp, Nguyễn Văn Cúc làm thường trực, Trần Quý Kiên phụ trách khối tiểu thủ công, học sinh, viên chức (Chu Thị Kim Sơn, 2010, tr. 33; Nguyễn Công Hòa, 1972, tr. 125).

Hồi ký của bà Chu Thị Kim Sơn có nhớ đồng chí Trần Quý Kiên là Bí thư Thành ủy Hải Phòng[1]. Từ góc độ lịch sử tổ chức, vai trò của đồng chí thể hiện ở khả năng kết nối công tác của cấp trên với cơ sở. Chủ trương khôi phục Đảng bộ chỉ trở thành hiện thực khi tìm được cán bộ, khôi phục sinh hoạt và xây dựng quan hệ với quần chúng. Sự có mặt của đồng chí Trần Quý Kiên ở Hải Phòng thuộc quá trình chuyển hóa ấy. Đây là phương diện quan trọng để đánh giá cán bộ hoạt động bí mật, bởi kết quả không chỉ thể hiện qua chức vụ mà còn qua những tổ chức được gây dựng và duy trì.

2.3. Khôi phục cơ sở Đảng trong nhà máy và mở rộng lực lượng quần chúng

Sau khi cơ quan lãnh đạo từng bước được kiện toàn, nhiệm vụ tiếp theo là củng cố các cơ sở bên dưới. Đối với Hải Phòng, công tác này gắn chặt với những nhà máy lớn, các khu lao động và mạng lưới nghề nghiệp trong thành phố. Bản lý lịch năm 1952, ghi nhận phạm vi hoạt động của đồng chí Trần Quý Kiên và đồng chí của mình tại Nhà máy Xi măng, Nhà máy Chai, Nhà máy Sợi, Nhà máy Khuy, các giới thợ và người buôn bán chợ Sắt (Trần Quý Kiên, 1952a).

Những cơ sở ấy phản ánh đặc điểm đáng chú ý của công tác xây dựng lực lượng: lấy công nhân công nghiệp làm địa bàn quan trọng, đồng thời mở rộng đến các tầng lớp lao động khác. Trong một đô thị cảng, người lao động có quan hệ đan xen qua nơi làm việc, chỗ ở, chợ và hoạt động dịch vụ. Vì thế, việc phát triển cơ sở ở nhiều môi trường giúp tăng khả năng tiếp xúc quần chúng, tạo thêm nơi liên lạc và mở rộng ảnh hưởng của tổ chức trong đời sống thành thị.

Ở Nhà máy Xi măng, đồng chí Trần Quý Kiên được giao khôi phục chi bộ, tìm hiểu tình hình, nắm lực lượng đảng viên và điều kiện hoạt động, sau đó tổ chức lại chi bộ với các đồng chí Đổng, Phúc, Tỉnh, Tuyển; đồng chí Đổng làm Bí thư (Đoàn Trường Sơn, 2019, tr. 40). Công tác vận động được triển khai tới những bộ phận sản xuất và cả nhân viên văn phòng. Những chi tiết này cho thấy xây dựng chi bộ đi liền với phân công bám từng nhóm công nhân.

Việc tìm hiểu cơ sở trước khi tổ chức lại có ý nghĩa thực tiễn. Sau những đợt khủng bố, không thể chỉ dựa vào quan hệ cũ để khôi phục nguyên trạng một tổ chức. Người cán bộ phải xác định ai còn có thể hoạt động, điều kiện liên lạc ra sao, môi trường lao động có thay đổi gì và khả năng tập hợp quần chúng đến đâu. Từ đó, việc lựa chọn hạt nhân và phân công trách nhiệm mới phù hợp với tình hình, hạn chế rủi ro cho tổ chức vừa được gây dựng.

Đóng góp của Trần Quý Kiên tại đây cũng không dừng ở việc tái lập chi bộ. Đồng chí tiếp tục nhắc nhở cơ sở chú trọng vận động quần chúng và tận dụng khả năng hoạt động hợp pháp, nửa hợp pháp. Điều này phản ánh quan niệm coi sức sống của tổ chức gắn với quan hệ thực tế với người lao động. Một chi bộ chỉ có thể phát huy vai trò khi hiểu được những vấn đề công nhân đang quan tâm, lựa chọn yêu cầu đấu tranh phù hợp và có người đủ tin cậy để tập hợp lực lượng.

Tại Nhà máy Tơ, hồi ký Chu Thị Kim Sơn cho biết đồng chí Trần Quý Kiên trực tiếp gặp gỡ, trao đổi với cán bộ cơ sở về tình hình và nhiệm vụ vận động. Nội dung giải thích gắn những biến động chính trị với yêu cầu hoạt động tại địa phương. Hình ảnh người cán bộ đến nhà dân, nói chuyện với những người vừa lao động kiếm sống vừa tham gia công tác cho thấy con đường đưa chủ trương đến cơ sở diễn ra qua tiếp xúc trực tiếp, trong những điều kiện sinh hoạt rất cụ thể[2].

Qua lời kể của Chu Thị Kim Sơn, một nội dung được nhấn mạnh là vận động cả người làm nghề thủ

---

1) Hồi ký của bà Chu Thị Kim Sơn đã nhớ nhầm chức vụ của đồng chí Trần Quý Kiên, ông không giữ chức Bí thư Thành ủy Hải Phòng.
2) Chu Thị Kim Sơn (2010). *Đi trọn một chặng đường, hồi ký cách mạng. NXB Hải Phòng, tr.33.*

công, nghề tự do và buôn bán nhỏ, bên cạnh công nhân xí nghiệp. Đây là sự vận dụng phù hợp với cơ cấu xã hội thành phố. Những người lao động ngoài nhà máy tuy phân tán về nơi làm việc nhưng cùng chịu nhiều sức ép trong đời sống; họ có những quan hệ cộng đồng, nghề nghiệp có thể trở thành cơ sở để tuyên truyền, liên kết và tổ chức hoạt động.

Ở chợ Sắt, tư liệu hồi ức ghi nhận một số quần chúng tham gia Đoàn Thanh niên Dân chủ (Nhiều tác giả, 2000, tr. 212); các buổi sinh hoạt diễn ra tại cơ sở ở phố Cát Dài, thường do anh Nhạ điều khiển. Chi tiết này bổ sung bằng chứng về sự hiện diện trực tiếp của đồng chí Trần Quý Kiên trong công tác quần chúng. Từ khu sản xuất đến không gian buôn bán và nơi ở, hoạt động tổ chức được triển khai qua nhiều đầu mối, phù hợp với điều kiện của từng nhóm người.

Có thể thấy, phương pháp xây dựng lực lượng của đồng chí Trần Quý Kiên được thể hiện qua chuỗi công việc gắn bó với nhau: khảo sát cơ sở, tìm hạt nhân, củng cố tổ chức, hướng dẫn vận động và duy trì liên hệ. Những kết quả tại nhà máy và khu lao động thuộc thành quả chung của Thành ủy, các chi bộ và quần chúng Hải Phòng. Trong thành quả đó, đóng góp của đồng chí được nhận diện qua những nhiệm vụ, địa điểm và mối quan hệ cụ thể mà các nguồn tư liệu còn ghi lại.

2.4. Kết hợp hoạt động bí mật với công khai trong phong trào dân chủ

Một yêu cầu nổi bật của thời kỳ vận động dân chủ là tận dụng những khả năng hoạt động công khai, hợp pháp nhưng vẫn bảo vệ được tổ chức lãnh đạo. Hoạt động rộng rãi giúp tiếp cận đông đảo quần chúng, đưa yêu cầu về đời sống và quyền dân chủ vào không gian xã hội. Tuy nhiên, sự hiện diện công khai cũng có thể khiến cán bộ, cơ sở bị theo dõi. Vì vậy, mở rộng phong trào luôn đi cùng việc xác định rõ ai đảm nhiệm công tác công khai và hạt nhân nào phải giữ bí mật (Ban Chấp hành Đảng bộ Công ty Xi măng Hải Phòng, 2007, tr. 104).

Tư liệu về công nhân Xi măng đã ghi nhận đồng chí Trần Quý Kiên phân biệt rõ việc tận dụng điều kiện công khai với việc công khai hóa tổ chức Đảng. Đồng chí yêu cầu giữ bí mật đối với đảng viên, chỉ đưa ra hoạt động công khai khi cần thiết và chú trọng sử dụng quần chúng tích cực trong những công việc phù hợp (Nguyễn Văn Biểu, 2026a, tr. 125). Nội dung này thể hiện sự cân nhắc giữa phát triển ảnh hưởng trước mắt với khả năng duy trì lực lượng về lâu dài.

Phong trào thành lập hội ái hữu là một hình thức tập hợp phù hợp trong bối cảnh đó. Khi yêu cầu thành lập nghiệp đoàn chưa được chấp thuận, các hình thức ái hữu được sử dụng để liên kết người cùng nghề, thúc đẩy hoạt động tương trợ và đấu tranh vì quyền lợi của người lao động. Từ nhu cầu gần gũi, người tham gia có điều kiện hiểu giá trị của sự đoàn kết, biết trao đổi yêu cầu chung và từng bước nâng cao nhận thức về tổ chức. Những cuộc vận động về nghiệp đoàn, báo chí, văn hóa và dân sinh là kết quả chỉ đạo của tổ chức Đảng cùng sự tham gia của nhiều cán bộ, quần chúng. Phần đóng góp có căn cứ của đồng chí Trần Quý Kiên thể hiện rõ hơn ở khôi phục cơ sở, hướng dẫn cách hoạt động và trực tiếp vận động những nhóm quần chúng được giao phụ trách.

Điểm đáng chú ý trong hồi ức về đồng chí Trần Quý Kiên là cách nói ngắn gọn, dễ hiểu. Với người lao động ít có điều kiện học tập, hiệu quả tuyên truyền phụ thuộc vào khả năng giải thích vấn đề bằng ngôn ngữ quen thuộc. Khi yêu cầu chính trị được gắn với việc làm, đời sống, quyền lợi và hoàn cảnh của từng nhóm người, quần chúng có cơ sở để hiểu và tham gia. Bởi vậy, sự gần gũi với cơ sở là điều kiện giúp chủ trương đi vào hoạt động thực tế.

Qua việc kết hợp các hình thức tổ chức, đóng góp của đồng chí Trần Quý Kiên còn thể hiện ở ý thức duy trì mối liên hệ giữa phát triển phong trào với bảo vệ lực lượng. Không thể coi việc khôi phục một chi bộ là kết thúc nhiệm vụ; cần tiếp tục hướng dẫn để chi bộ hoạt động được trong môi trường cụ thể. Kinh nghiệm ấy góp phần lý giải khả năng của một cán bộ từng trải trong tù đày khi đảm nhiệm công tác tổ chức tại địa bàn thành thị đông dân, có phong trào sôi động nhưng nhiều nguy cơ bị đánh phá.

2.5. Mối liên hệ với địa bàn kháng chiến Quảng Yên và Thủy Nguyên năm 1947

Sau chặng hoạt động ở Hải Phòng, Trần Quý Kiên tiếp tục được giao nhiệm vụ tại những địa bàn khác. Trong những năm 1945-1946, đồng chí hoạt động ở Chiến khu Quang Trung, sau đó tham gia công tác tại Sơn La, Lai Châu với bí danh Dương Văn Ty. Trong bài nghiên cứu trước về đồng chí Trần

Quý Kiên, ghi nhận đồng chí được giao công tác lãnh đạo tại Quảng Yên vào đầu năm 1947 (Nguyễn Văn Biểu, 2026b). Đây là thông tin cho phép đặt hoạt động của đồng chí trong không gian kháng chiến vùng Đông Bắc. Tuy nhiên, còn có cách tư liệu khác nhau giữa phần nội dung và chú thích về chức vụ tại Quảng Yên, Quảng Hồng khi ông làm Bí thư Tỉnh ủy tại đây.

Mối liên hệ giữa địa bàn Quảng Yên với Thủy Nguyên có căn cứ từ lịch sử tổ chức kháng chiến. Nguồn lịch sử địa phương ghi Liên tỉnh Quảng Hồng được thành lập ngày 31-3-1947, có Thủy Nguyên trong phạm vi tổ chức (Dương Trường, 2025). Tư liệu biên niên hành chính trên Cổng thông tin điện tử Quảng Ninh còn ghi nhận việc đặt Thủy Nguyên trong phạm vi quản lý kháng chiến của Quảng Yên năm 1947 (Cổng thông tin điện tử Quảng Ninh, 2025).

Trong không gian ấy, Thủy Nguyên là địa bàn có quan hệ với Hải Phòng và Quảng Yên. Việc tổ chức chỉ đạo trên phạm vi liên tỉnh phản ánh nhu cầu phối hợp giữa những khu vực có liên hệ về giao thông, dân cư và hoạt động kháng chiến. Từ góc độ nghiên cứu nhân vật, bối cảnh này giải thích vì sao chặng công tác Quảng Yên cần được xem xét khi khảo sát quan hệ của Trần Quý Kiên với vùng Hải Phòng.

Theo tư liệu Tổng kết tư tưởng của đồng chí Trần Quý Kiên về thời gian công tác ở Quảng Yên (từ tháng 10-1946 đến tháng 7-1947), đồng chí viết: "Tháng 12-1946, tôi làm Bí thư Quảng Yên kiêm Chủ tịch"; "Đầu năm 1947 tôi làm Bí thư Quảng Yên lúc giặc Pháp đã chiếm Hòn Gai, huyện Hoành Bồ bị đe...". Tư liệu Tổng kết tư tưởng của đồng chí Trần Quý Kiên bổ sung căn cứ quan trọng để xác định đồng chí giữ cương vị Bí thư Quảng Yên kiêm Chủ tịch từ tháng 12-1946 và tiếp tục đảm nhiệm nhiệm vụ Bí thư trong nửa đầu năm 1947 (khi sáp nhập làm Bí thư Liên tỉnh Quảng Hồng) (Trần Quý Kiên, 1952b).

Những ghi chép về việc tiếp nhận báo cáo của Ty Công an và Bí thư huyện Thủy Nguyên cho thấy đồng chí trực tiếp tham gia xử lý các vấn đề an ninh, cán bộ và bảo vệ cơ sở trong hoàn cảnh chiến sự ngày càng ác liệt. Đồng thời, việc tự thuật quyết định "bắt người", sau đó điều tra lại xác định không phải Việt gian, phản ánh cả sức ép của tình hình phức tạp khi ấy. Giá trị của nguồn tư liệu vì vậy nằm ở khả năng làm rõ hoạt động lãnh đạo thực tế, tinh thần trách nhiệm của đồng chí Trần Quý Kiên. Qua đó, có thể nhận diện đầy đủ hơn những khó khăn của công tác lãnh đạo địa phương trong buổi đầu kháng chiến, cũng như yêu cầu kết hợp sự kiên quyết với thận trọng, kiểm tra thông tin và tôn trọng chứng cứ khi xử lý công việc.

3. Kết luận

Trong giai đoạn 1931-1947 và sau năm 1947, đồng chí Trần Quý Kiên nhiều lần gắn bó với Hải Phòng và các địa bàn liên quan trong những hoàn cảnh, nhiệm vụ khác nhau. Từ người tù chính trị tham gia đấu tranh tại nhà lao Hải Phòng năm 1931 đến cán bộ trực tiếp khôi phục tổ chức, vận động quần chúng năm 1937-1938, đồng chí đã để lại những dấu ấn cụ thể trong phong trào cách mạng thành phố cảng. Sự gắn bó ấy tiếp tục được bổ sung qua tư liệu về thời gian công tác tại Quảng Yên và quan hệ chỉ đạo đối với địa bàn Thủy Nguyên vào cuối năm 1946, nửa đầu năm 1947. Đóng góp nổi bật của đồng chí là tham gia củng cố cơ quan lãnh đạo, khôi phục cơ sở Đảng và phát triển lực lượng quần chúng. Tại các nhà máy, khu lao động và cơ sở trong thành phố, đồng chí chú trọng tìm hiểu tình hình, xây dựng hạt nhân, hướng dẫn hoạt động và mở rộng vận động đến nhiều tầng lớp nhân dân. Việc kết hợp hoạt động bí mật với công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp góp phần tăng cường mối liên hệ giữa tổ chức Đảng với quần chúng, đáp ứng yêu cầu phát triển phong trào dân chủ trong điều kiện còn nhiều khó khăn. Bản *Tổng kết tư tưởng* bổ sung căn cứ về cương vị và hoạt động lãnh đạo của đồng chí tại Quảng Yên từ cuối năm 1946 sang năm 1947. Những ghi chép về việc xử lý công việc ở địa phương phản ánh tinh thần trách nhiệm, sức ép của hoàn cảnh chiến tranh... Tiếp cận đầy đủ các phương diện ấy giúp đánh giá nhân vật khách quan hơn, đồng thời làm rõ yêu cầu kết hợp sự kiên quyết với thận trọng, kiểm tra và xác minh trong hoạt động lãnh đạo. Đặt trong thành quả chung của tổ chức Đảng, đội ngũ cán bộ và nhân dân địa phương, những đóng góp của đồng chí Trần Quý Kiên góp phần làm sáng rõ quá trình xây dựng, bảo vệ lực lượng cách mạng ở Hải Phòng và vùng duyên hải Đông Bắc. Nghiên cứu những hoạt động ấy vừa bổ sung tư liệu lịch sử, vừa cung cấp chất liệu giáo dục về bản lĩnh chính trị, ý thức tổ chức, tinh thần tự phê bình và sự gắn bó với nhân dân trong bối cảnh hiện nay.

Tài liệu tham khảo

Ban Chấp hành Đảng bộ Công ty Xi măng Hải Phòng (2007). *Lịch sử phong trào công nhân Xi măng Hải Phòng (1899–2005)*. NXB Hải Phòng.

Ban Chấp hành Đảng bộ Hải Phòng (1991). *Lịch sử Đảng bộ Hải Phòng (1925–1955)*. NXB Hải Phòng.

Chu Thị Kim Sơn (2010). Đi trọn một chặng đường: Hồi ký cách mạng. NXB Hải Phòng.

Cổng thông tin điện tử Quảng Ninh (2025, ngày 08 tháng 7). *Quảng Ninh thời kỳ sau năm 1945 (nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời)*. https://www.quangninh.gov.vn/Trang/ChiTietBVGioiThieu.aspx?bvid=542

Đặng Văn Thái (Chủ biên) (2007). *Lê Duẩn tiểu sử*. NXB Chính trị quốc gia Sự thật.

Đoàn Trường Sơn (2019). *Lịch sử Đảng bộ Công ty Xi măng Vicem Hải Phòng (1929–2019)*. NXB Hải Phòng.

Dương Trường (2025, ngày 23 tháng 4). *Quảng Ninh sau Cách mạng Tháng Tám đến ngày đầu toàn quốc kháng chiến*. Cổng thông tin điện tử Quảng Ninh. https://www.quangninh.gov.vn/Trang/ChiTietTinTuc.aspx?nid=153692

Lê Thanh Nghị (1989). *Trọn một cuộc đời*. NXB Sự thật.

Nguyễn Công Hòa (1972). *Con đường sống duy nhất*. NXB Lao động.

Nguyễn Văn Biểu (2026a). Đồng chí Đinh Xuân Nhạ (Trần Quý Kiên), nhà lãnh đạo tài năng của Xứ ủy Bắc Kỳ và một số đóng góp về tổ chức, xây dựng Đảng ở Hải Phòng trong những năm 1937–1938. *Tạp chí Giáo dục và Xã hội*, tháng 3 (kỳ 2), 121–127.

Nguyễn Văn Biểu (2026b). Đồng chí Trần Quý Kiên (1911–1965), người cộng sản kiên cường, nhà cách mạng tiền bối của Đảng và cách mạng Việt Nam. *Tạp chí Giáo dục và Xã hội*, tháng 1 (kỳ 1), 68–74. https://giaoducvaxahoi.vn/pic/Service/nguyen_van_bieu_pages_68_74_4927.pdf

Nhiều tác giả (2000). *Tuyển hồi ký hay*. NXB Phụ nữ.

Trần Bảo (1970). *Hạt máu*. NXB Lao động.

CHÚA TRỊNH DOANH (1740-1767) VÀ THÁM HOA VŨ CÔNG TỂ (1687-1742)...

Tiếp theo trang 192

Tài năng kinh bang tế thế và đức độ của Vũ Công Tể cùng với tài năng trọng dụng nhân tài Vũ Công Tể của chúa Trịnh Doanh đã được các sử thần triều Lê ghi nhận rõ trong Đại Việt sử ký tục biên: "Tể sở trường về văn học, được chúa biết đã lâu, có mưu lớn kinh bang tế thế. Đầu năm Canh Thân (1740) việc nước bề bộn. Tể điều hành có phương pháp. Chúa rất coi trọng, bèn cất lên đứng đầu bộ Lại, giao cho việc then chốt. Tể hay tiến dẫn người khá, dẫu người có một tài nghệ cũng đều khuyến khích cất nhắc. Kẻ sĩ cũng vui vẻ đem tài ra làm việc. Cho nên ở nơi thôn đã có nhiều người ra giúp nước. Lúc "giặc" Ngũ [Nguyễn Danh Phương] mới nổi lên, triều đình bàn nên chiêu an. Riêng Tể trình bày hai điều, nói: "Tiễu trừ là chính pháp, thu dụng là quyền nghi. Đối với giặc này phải dùng chính pháp mới được", về sau việc ấy xẩy ra đúng như điều Tể đoán trước" (Đại Việt sử ký tục biên (1676-1789), 2018, tr.199).

Có thể thấy, cả chúa Trịnh Doanh và Tham tụng Vũ Công Tể đều là những người tài trí, mưu lược, có nhân cách và đức sáng, có tài dùng người và luôn đề cao lý tưởng trị quốc, an dân. Hai ông đã dốc hết tài sức của mình cho công nghiệp trị nước an dân, gánh vác và hoàn thành tốt sứ mệnh (chúa Trịnh Doanh), trọng trách được giao (Thám hoa Vũ Công Tể). Hai con người tài năng, đức độ đó, bằng tài năng và đức sáng của mình đã giúp nhau tỏa sáng và cùng nhau tỏa sáng.

Tài liệu tham khảo

Đại Việt sử ký tục biên (1676–1789) (2018). (Ngô Thế Long & Nguyễn Kim Hưng, dịch và khảo chứng; Nguyễn Đổng Chi, hiệu đính). NXB Hồng Đức.

Đinh Khắc Thuân (chủ biên, 2009). *Tứ bình thực lục thời chúa Trịnh* (Hồng Phi, dịch). NXB Văn hóa – Thông tin.

Đỗ Văn Ninh (2002). *Từ điển chức quan Việt Nam*. NXB Thanh niên.

Hải Bối Vũ Công tộc phả: Từ thủy tổ Vũ Công Cương đến đời thứ 9. (n.d.). Trong *Hải Bối Vũ Công tộc phả* (Toàn tập) [Bản dịch do dòng họ cung cấp].

Nguyễn Minh Tường (2026, tháng 3). Danh nhân lịch sử thám hoa Vũ Công Tể: Cuộc đời và sự nghiệp. *Xưa & Nay*, (585).

Nguyễn Tá Nhí (2012). Ân vương Trịnh Doanh – vị chúa tài kiêm văn võ. Trong *Thăng Long thời Lê–Trịnh* [Kỷ yếu hội thảo khoa học]. NXB Từ điển Bách khoa.

Phạm Đình Hổ (2003). *Vũ trung tuỳ bút*. NXB Khoa học xã hội.

Phan Huy Chú (2007a). *Lịch triều hiến chương loại chí* (Tổ phiên dịch Viện Sử học, dịch và chú giải; tập 1). NXB Giáo dục.

Phan Huy Chú (2007b). *Lịch triều hiến chương loại chí* (Tổ phiên dịch Viện Sử học, dịch và chú giải; tập 2). NXB Giáo dục.

Quốc sử quán triều Nguyễn (2007). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Tái bản lần thứ nhất, tập 2). NXB Giáo dục.

Trần Tiến (2003). *Niên phả lục* (Nguyễn Đăng Na, sưu tầm, khảo dịch, chú thích và giới thiệu). NXB Văn học.

Trịnh Quốc Tuấn (2026). Nghị tổ Ân vương Trịnh Doanh (1720–1767). Trong *Họ Trịnh trong tiến trình lịch sử Việt Nam*. NXB Hội Nhà văn.

Trương Hữu Quýnh (2009). *Chế độ ruộng đất và một số vấn đề lịch sử Việt Nam*. NXB Giáo dục.